

Bản án số: 66/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 23-8-2021  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Văn Dũng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Vũ Văn Thi

Ông Đỗ Văn Thư

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Lê Trịnh Nhật - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị T sinh năm 1997; nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn D, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 4 năm 2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Vũ Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T kết hôn với nhau do tự nguyện, được tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Hưng, huyện An Dương năm 2016. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, anh T không quan tâm

đến chị T. Nay vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau, tình cảm đã hết nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh T.

Về con chung: Chị T và anh T có hai con là Nguyễn Huỳnh Tô U sinh năm 2015 và Nguyễn Quỳnh A sinh năm 2018. Khi ly hôn chị T nhận nuôi con Nguyễn Quỳnh A, để cho anh T nuôi con Nguyễn Huỳnh Tô U; không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử cho ly hôn giữa chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Văn T; giao con Nguyễn Huỳnh Tô U cho anh T nuôi; giao con Nguyễn Quỳnh A cho chị T nuôi; nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn cư trú tại huyện An Dương nên Tòa án nhân dân huyện An Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Về tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T và anh T được Ủy ban nhân dân xã An Hưng, huyện An Dương cấp Giấy đăng ký kết hôn số 18 ngày 25/3/2016 nên hợp pháp. Vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chăm sóc nhau; mâu thuẫn đã được hòa giải nhưng không có kết quả. Vậy xác định yêu cầu xin ly hôn của chị T đã thỏa mãn những căn cứ cho ly hôn quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình; cần giải quyết cho ly hôn giữa chị T và anh T.

[4] Về con chung: Các bên có con chung như chị T trình bày ở trên là đúng. Quan điểm về nuôi con sau khi ly hôn như chị T đã trình bày là tự nguyện, bảo đảm được lợi ích toàn diện của các con. Vậy nên giao con Nguyễn Huỳnh Tô U cho anh T nuôi, giao con Nguyễn Quỳnh A cho chị T nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại các điều 81 và 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không bên nào yêu cầu nên không giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu nên không giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 92, 147 và 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Văn T.

Về nuôi con chung: Giao con Nguyễn Huỳnh Tố U sinh ngày 17/7/2015 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi; giao con Nguyễn Quỳnh A sinh ngày 14/3/2018 cho chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T, anh T không yêu cầu nên không giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương biên lai số 0013153 ngày 05/5/2021. Chị Vũ Thị T đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hải Phòng;
  - VKSND thành phố Hải Phòng;
  - VKSND huyện An Dương;
  - Chi cục THADS h. An Dương;
  - UBND xã An Hưng, h. An Dương
- (Cơ quan cấp ĐKKH số 18 ngày 25/3/2016);
- Đương sự;
  - Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Văn Dũng**

